Tên: ……...

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 8

Từ vựng & Ngữ pháp HW: …….

Nghe HW: …….

VOCABULARY REVISION

A. THEORY

I. VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại các từ nhé:
https://on.soundcloud.com/Q2hBsuyc1lz79z0bHY

1. Adjectives to describe food

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	creamy (adj)	béo ngậy		4	bitter (adj)	đắng	
2	chewy (adj)	dai		5	crispy (adj)	giòn	
3	spiky (adj)	có gai	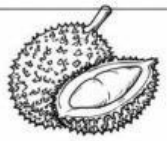	6	sticky (adj)	dính, dẻo	

2. Transportation

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	tram (n)	xe điện	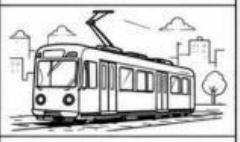	5	ferry (n)	phà	
2	metro train (n)	tàu điện ngầm		6	motorbike (n)	xe máy	
3	metro station (n)	ga tàu điện ngầm		7	travel on foot (phr)	đi bộ	
4	pier (n)	bến tàu		8	travel by air (phr)	đi bằng máy bay	

LIVEWORKSHEETS

3. Rooms in a house

No.	Words	Meanings	Pictures
1	bedroom (n)	phòng ngủ	
2	bathroom (n)	phòng tắm	
3	kitchen (n)	nhà bếp	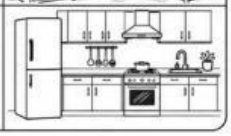

No.	Words	Meanings	Pictures
4	dining room (n)	phòng ăn	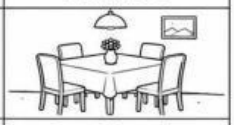
5	living room (n)	phòng khách	
6	roof (n)	mái nhà	

4. Types of houses

No.	Words	Meanings	Pictures
1	stilt house (n)	nhà sàn	
2	eco-house (n)	nhà sinh thái	
3	apartment (n)	căn hộ chung cư	

No.	Words	Meanings	Pictures
4	bungalow (n)	nhà một tầng	
5	detached house (n)	nhà riêng biệt	
6	yurt (n)	lều du mục	

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại các từ nhé:
https://on.soundcloud.com/U3jt3mHdWXIICGAFEv

No.	Words	Meanings	Pictures
1	a glass of milk (phr)	một cốc sữa	
2	stair (n)	cầu thang	
3	geography (n)	địa lý	

No.	Words	Meanings	Pictures
4	striped (adj)	có sọc	
5	dirty (adj)	bẩn	
6	dentist (n)	nha sĩ	

**Note:* *n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, phr = phrase: cụm từ.*

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY (trang 1, 2) một dòng vào vở.

II. Choose the best answer (A, B, C, or D) to complete each sentence.

0. The boat is waiting at the _____.

A. pier B. yurt C. metro station D. eco-house

1. We wear helmets when we ride a _____ to school every day.

A. ferry B. motorbike C. pier D. stilt house

2. People build a _____ on tall wooden poles.

A. bungalow B. detached house C. stilt house D. tram

3. Bobby takes the _____ train because it is fast.

A. motorbike B. ferry C. pier D. metro

4. An _____ helps protect nature.

A. eco-house B. motorbike C. metro station D. apartment

5. They prefer to _____ because their school is only two minutes away.

A. travel by air B. travel on foot C. travel by ferry D. travel by tram

III. Read and choose the correct word to complete the sentences.

~~**bedroom**~~ **dining room** **bitter** **kitchen** **creamy** **roof**

0. I sleep in my bedroom every night.

1. We cook delicious meals in the _____.

2. Our family eats dinner in the _____.

3. Dark coffee tastes strong and _____.

4. Fresh milk and ice cream taste sweet and _____.

5. A bird is sitting on the _____ of the house.

LIVEWORKSHEETS

IV. Rearrange the words to make complete sentences.

0. sleeping was / the phone / rang. / I / when

→ *I was sleeping when the phone rang.*

1. was riding a motorbike / She / it rained. / when

→ _____

2. in the kitchen. / was cooking / my mom / while / I played

→ _____

3. When / in a stilt house, / were sleeping / they / the storm came.

→ _____

4. While / was waiting / James / at the metro station, / his friends called.

→ _____

5. while / saw a yurt / travelling by air. / Anna / she was

→ _____

LIVEWORKSHEETS

FLYERS LISTENING PRACTICE (5 questions)

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/A3raZv9xcDfGXotdaO

Listen and tick (√) the box. There is one example.

What is William reading about?

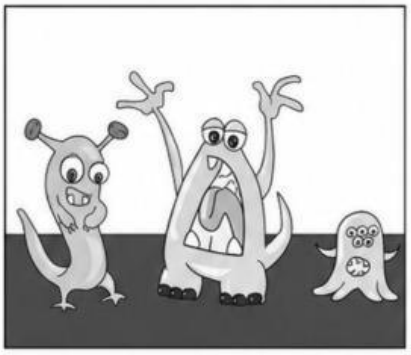

A ☐

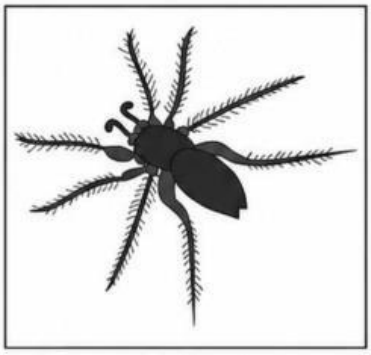

B ☑

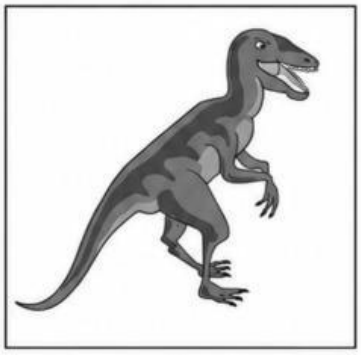

C ☐

1 What will William drink with his breakfast?

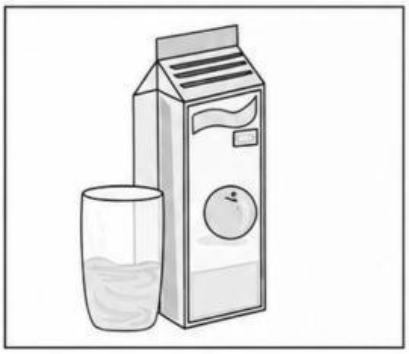

A ☐

B ☐

C ☐

2 Where is William's History book?

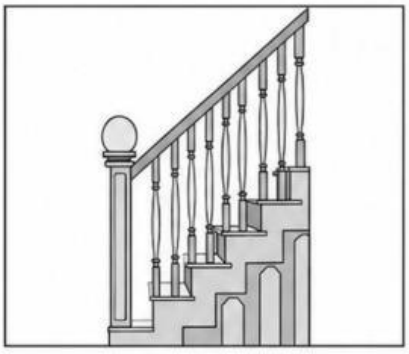

A ☐

B ☐

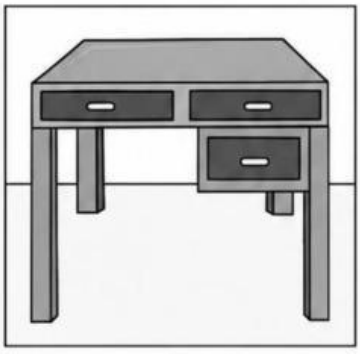

C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 What homework did William have?

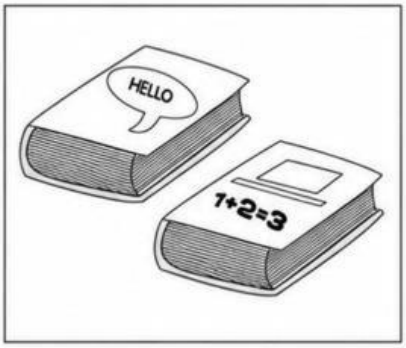

A ☐

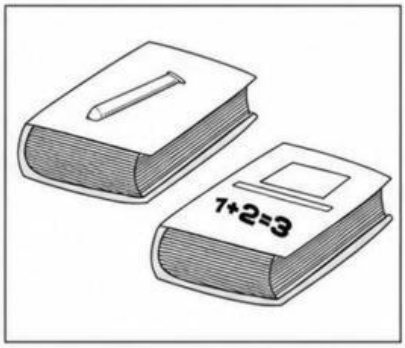

B ☐

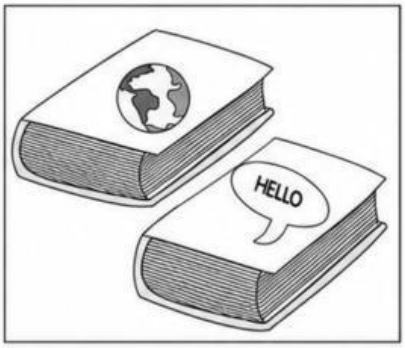

C ☐

4 Which shorts will William take to football practice?

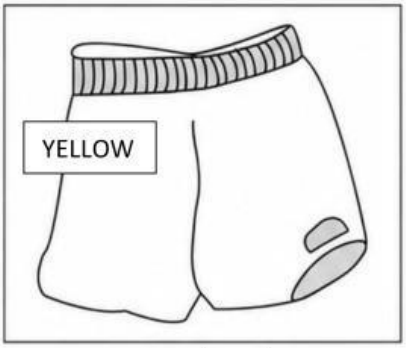

A ☐

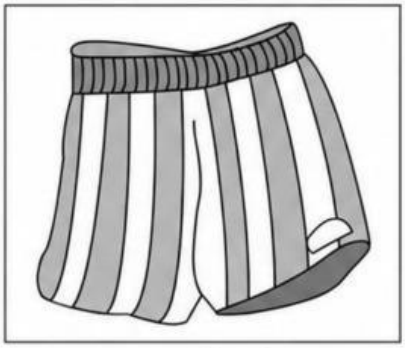

B ☐

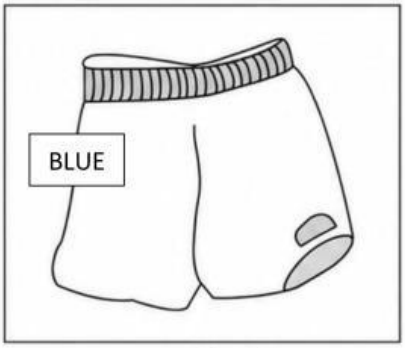

C ☐

5 What time will William see the dentist?

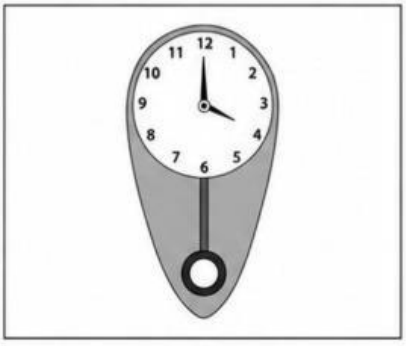

A ☐

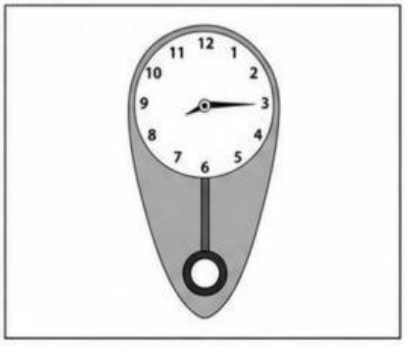

B ☐

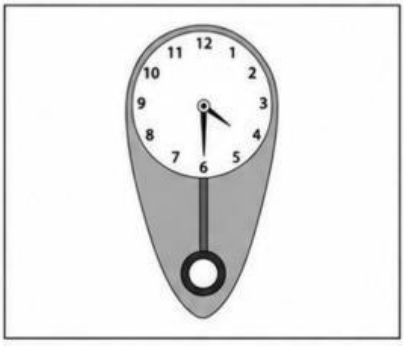

C ☐

LIVEWORKSHEETS